

KHAI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2025

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Số lượng	Định mức (đồng)	Thành tiền (đồng). Trong đó			
					Tổng kinh phí	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Các trang trại, hội quán, hợp tác xã đối ứng	Nguồn khác
1	Bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo cho các trang trại, hội quán, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp sạch	Lớp	100	19.500.000	1.950.000.000	975.000.000	975.000.000	0
2	Xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp sạch: (Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí cho các diện tích canh tác, mã vùng trồng, mã cơ sở, cơ sở đóng gói... cho các trang trại, hội quán, hợp tác xã).	Ha	20.600	50.000	1.030.000.000	1.030.000.000	0	0
3	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận do Tổ chức chứng nhận cấp, mã vùng trồng, mã cơ sở vùng trồng (cấp lần đầu hoặc cấp lại)							
-	Lĩnh vực trồng trọt	Ha	20.600	500.000	10.300.000.000	7.210.000.000	0	3.090.000.000
-	Lĩnh vực chăn nuôi	Chủ thể	10	50.000.000	500.000.000	500.000.000	0	0
4	Tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp	Chủ thể	100	50.000.000	5.000.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	0
5	Bao bì, nhãn mác sản phẩm (tem truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác sản phẩm)	Đơn vị	2.060.000	1.250	2.575.000.000	1.287.500.000	1.287.500.000	0
6	Hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu năm đầu và Hỗ trợ tham gia xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, đưa sản phẩm lên các sàn giao dịch điện tử (100 chủ thể)	Chủ thể	100	100.000.000	10.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000,0	4.000.000.000,0
	Tổng				31.355.000.000	16.502.500.000	7.762.500.000,0	7.090.000.000,0